



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision:

/QĐ - VPCNCLQG

Ngày tháng 07 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Sinh hoá**
Medical Laboratory: **Department of Biochemistry**
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương**
Organization: **National Hospital of Tropical Disease**
Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**
Field of medical testing: **Biochemistry**
Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Thị Thanh Hải**
Representative: **Nguyen Thi Thanh Hai**
Số hiệu/ Code: **VILAS Med 111**
Hiệu lực/ Validation: từ ngày /7/2025 đến ngày 06/4/2027
Địa chỉ/ Address: **Thôn Bàu, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội/**
Bau Village, Thien Loc Commune, Hanoi City
Địa điểm/Location: **Thôn Bàu, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội/**
Bau Village, Thien Loc Commune, Hanoi City
Điện thoại/ Tel: **02466517127**
Email: **hoasinhnhstd@gmail.com**
Website: **www.benhnhietdoi.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 111

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết tương (Heparin) Plasma (Heparin)	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Động học enzym – Hexokinase <i>Enzyme kinetic with Hexokinase</i>	QTKT-HS-01 (2025) (Cobas C501)
2.		Định lượng Urê <i>Determination of Urea</i>	Động học enzym <i>Enzymatic kinetic</i>	QTKT-HS-02 (2025) (Cobas C501)
3.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>		QTKT-HS-03 (2025) (Cobas C501)
4.		Xác định hoạt độ enzym AST (GOT) <i>Determination of Aspartate aminotransferase</i>		QTKT-HS-04 (2025) (Cobas C501)
5.		Xác định hoạt độ enzym ALT (GPT) <i>Determination of Alanine aminotransferase</i>		QTKT-HS-05 (2025) (Cobas C501)
6.		Xác định hoạt độ enzym GGT <i>Determination of GGT</i>		QTKT-HS-10 (2025) (Cobas C501)
7.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	So màu enzym <i>Enzymatic colorimetric</i>	QTKT-HS-06 (2025) (Cobas C501)
8.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>		QTKT-HS-07 (2025) (Cobas C501)
9.		Định lượng Protein toàn phần <i>Determination of Total Protein</i>		QTKT-HS-08 (2025) (Cobas C501)
10.		Định lượng Bilirubin toàn phần <i>Determination of Total Bilirubin</i>		QTKT-HS-09 (2025) (Cobas C501)

Ghi chú/ Note:

- QTKT-HS.....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Sinh hoá, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Biochemistry, National Hospital of Tropical Disease that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

